

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN KHÁNH DƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Quận 1, ngày 26 tháng 01 năm 2024

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm/Dự toán năm (%)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm/ Cùng kỳ năm trước (%)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2.441.000.000	1.285.813.135	53%	85%
I	Số thu phí lệ phí	2.441.000.000	1.285.813.135	53%	85%
1	Thu học phí	0	0		
2	Thu sự nghiệp khác	2.441.000.000	1.285.813.135	53%	85%
	- Thiết bị, vật dụng phục vụ hs bán trú	45.000.000	51.150.000	114%	89%
	- Vệ sinh bán trú	128.000.000	200.000	0%	0%
	- Tổ chức phục vụ QL và vệ sinh bán trú	765.000.000	462.850.000	61%	107%
	- Tổ chức học 2 buổi	182.000.000	53.030.000	29%	46%
	- Tổ chức dạy tin học tự chọn	136.000.000	43.940.000	32%	54%
	- Tổ chức học tiếng Anh với người nước ngoài	561.000.000	367.540.000	66%	101%
	- Tổ chức dạy Năng khiếu TDTT	202.000.000	66.000.000	33%	73%
	- Tổ chức dạy tăng cường tiếng Anh	206.000.000	90.350.000	44%	84%
	- Anh văn tự chọn	21.000.000	0	0%	0%
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	10.000.000	8.113.135	81%	111%
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ kỹ sư Robotic	28.000.000	28.560.000	102%	0%
	- Tổ chức dạy câu lạc bộ Kỹ năng sống	110.000.000	114.080.000	104%	65%
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ Aerobic	15.000.000	16.380.000	109%	0%

	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ tăng cường tin học	22.000.000	24.150.000	110%	0%
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ NK Múa	10.000.000	10.890.000	109%	0%
II	Chi từ nguồn thu được để lại	2.441.000.000	1.321.323.361	54%	49%
1	Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo	2.441.000.000	1.321.323.361	54%	49%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.441.000.000	1.321.323.361	54%	49%
	- Thiết bị, vật dụng phục vụ hs bán trú	45.000.000	50.421.000	112%	63%
	- Vệ sinh bán trú	128.000.000	13.201.000	10%	11%
	- Tổ chức phục vụ QL và vệ sinh bán trú	765.000.000	459.234.431	60%	54%
	- Tổ chức học 2 buổi	182.000.000	65.069.346	36%	26%
	- Tổ chức dạy tin học tự chọn	136.000.000	51.192.338	38%	43%
	- Tổ chức học tiếng Anh với người nước ngoài	561.000.000	356.654.901	64%	46%
	- Tổ chức dạy Năng khiếu TDTT	200.000.000	85.523.408	43%	128%
	- Tổ chức dạy tăng cường tiếng Anh	206.000.000	78.106.254	38%	33%
	- Anh văn tự chọn	21.000.000	4.420.000	21%	37%
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	6.000.000	5.924.683	99%	340%
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ kỹ sư Robotic	28.000.000	26.599.200	95%	0%
	- Tổ chức dạy câu lạc bộ Kỹ năng sống	110.000.000	124.976.800	114%	74%
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ Aerobic	15.000.000	10.843.800	72%	0%
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ tăng cường tin học	22.000.000	6.686.390	30%	0%
	- Tổ chức dạy Câu lạc bộ NK Múa	10.000.000	8.695.998	87%	0%
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	-	0%	0%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.820.000	41.743.560	86%	158%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.432.000.000	4.028.535.453	63%	110%
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.432.000.000	4.028.535.453	63%	110%
1	Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo	6.432.000.000	4.028.535.453	63%	110%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.894.000.000	3.174.303.518	82%	137%
	Lương theo ngạch, bậc	1.538.321.000	1.155.209.404	75%	145%
	Lương hợp đồng theo chế độ	300.000.000	-	0%	0%
	Phụ cấp chức vụ	32.184.000	16.390.000	51%	94%
	Phụ cấp làm đêm thêm giờ	106.635.000	192.569.872	181%	181%
	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	1.788.000	894.000	50%	100%
	Phụ cấp ưu đãi nghề	519.579.000	394.101.853	76%	146%
	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	5.364.000	5.364.000	100%	200%

	Phụ cấp TNVK; NTN	294.966.000	223.849.008	76%	150%
	Miễn giảm, hỗ trợ chi phí học tập	3.630.000	10.430.000	287%	3725%
	Bảo hiểm xã hội	326.457.425	245.637.592	75%	146%
	Bảo hiểm y tế	55.964.130	28.072.868	50%	97%
	Kinh phí công đoàn	37.309.420	18.715.245	50%	97%
	Bảo hiểm thất nghiệp	18.654.710	9.357.623	50%	97%
	Thu nhập tăng thêm	142.147.315		0%	0%
	Chi khác		15.808.900	0%	33%
	Tiền điện	40.000.000	6.576.383	16%	141%
	Tiền nước	8.000.000	5.529.264	69%	0%
	Vệ sinh môi trường	-	1.717.200	0%	0%
	Vật tư văn phòng khác	30.000.000	1.744.200	6%	0%
	Thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	12.000.000	833.543	7%	18%
	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo	40.000.000	216.000	1%	4%
	Khoản công tác phí	16.000.000	7.500.000	47%	71%
	Thuê lao động trong nước	335.000.000	-	0%	0%
	Chi mua hàng hóa vật tư	30.000.000	4.424.638	15%	0%
	Trích quỹ bổ sung thu nhập	-	335.000.000	0%	0%
	Trích quỹ phúc lợi	-	132.500.000	0%	0%
	Trích quỹ khen thưởng	-	60.000.000	0%	0%
	Trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	-	301.861.927	0%	0%
1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 14)	45.000.000	295.860.067	657%	134%
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (N 14)	2.493.000.000	523.597.021	21%	78%
1.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (N 12)	0	34.774.847	0%	0%
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

C. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023:

I. Tổng thu sự nghiệp ước thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2023: 1.285.813.135 đồng; đạt 53% so với dự toán giao đầu năm và đạt 85% so với ước thực hiện cùng kỳ năm trước do si số HS học giảm.

II. Tổng chi ngân sách ước thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2023 là:

1. Chi từ nguồn thu được để lại: 1.321.323.361 đồng; đạt 54% so với dự toán đầu năm và đạt 49% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn ngân sách nhà nước: 4.028.535.453 đồng đạt 63% so với dự toán giao đầu năm và đạt 110% so với cùng kỳ năm trước trong đó:

2.1. Chi từ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 14+13): Ước thực hiện 3.174.303.518 đồng; đạt 82% v dự toán giao đầu năm và đạt 137% so với cùng kỳ năm trước do nhân sự thay đổi (Tiếp nhận Phó Hiệu trưởng về tháng 11/2023, tăng hệ số lương cơ sở từ 1.490.000 lên 1.800.000)

2.2. Chi từ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 12+14): 558.371.868 đồng đạt 21% so với dự toán đầu năm và đạt 78% so với cùng kỳ năm trước do không có sửa chữa và mua sắm từ KP không thường xuyên

KẾ TOÁN



Đặng Thị Huỳnh Như

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Phúc